

Trong nền kinh tế hiện nay, một trong những nguyên nhân chính gây ra những cuộc khủng hoảng kinh tế là do sự yếu kém của hệ thống ngân hàng. Mối quan hệ chặt chẽ giữa ngân hàng - khách hàng - nền kinh tế, đòi hỏi các ngân hàng phải chủ động trong mọi tình huống, dự báo, dự đoán được khả năng xảy ra và định lượng rủi ro. Từ đó có biện pháp phòng ngừa hạn chế thấp nhất tác động của rủi ro. Hoạt động kinh doanh ngoại tệ trong ngân hàng có chức năng cung cấp ngoại tệ trong giao dịch thương mại quốc tế cũng như giúp luân chuyển các khoản đầu tư quốc tế, giao dịch tài chính quốc tế và cả cung cấp các công cụ bảo hiểm rủi ro tỷ giá cho các khoản thu xuất khẩu, thanh toán nhập khẩu, các khoản đầu tư hay đi vay bằng ngoại tệ. Như vậy nhu cầu về ngoại tệ cho doanh nghiệp cũng như sự phát triển nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ của các ngân hàng thương mại trong tiến trình hội nhập là rất lớn. Vì vậy các biện pháp ngăn ngừa rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ là rất cần thiết.

I Những tồn tại trong hoạt động ngân hàng hiện nay

1. Đối với hoạt động huy động vốn:

Sự phân chia thị trường bởi nhiều kênh huy động vốn khác, như: tiết kiệm bưu điện, bảo hiểm, các tổ chức tài chính khác, gây rất nhiều khó khăn trong hoạt động huy động vốn của ngân hàng. Đặc biệt là tiết kiệm bưu điện với lợi thế về mạng lưới rộng khắp, cho phép thực hiện các giải pháp kỹ thuật hiện đại trong việc gửi và rút tiền: nhanh, thuận tiện và an toàn, đã thu hút rất nhiều vốn nhàn rỗi trong dân cư.

2. Đối với hoạt động tín dụng:

Tuy mức dư nợ trong những năm gần đây, tăng trưởng khá phù hợp với tốc độ phát triển của nền kinh tế. Nhưng bên cạnh đó, hoạt động tín dụng của ngân hàng vẫn còn tồn tại nhiều vướng mắc. Các rủi ro này chủ yếu là do thủ tục pháp lý và yếu tố chủ quan làm kéo dài thời gian thu hồi nợ và gây lỗ cho ngân hàng vì thời gian kéo dài, tài sản hư hao, vốn tồn đọng.

Hệ thống báo cáo tài chính, kế toán thống kê của khách hàng nhất là các doanh nghiệp vừa và nhỏ thiếu chính xác, không đầy đủ và không cập nhật đã

Hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại cổ phần VN

Thạc sĩ LÊ TẤN PHƯỚC



Ảnh Hòa Tấn

hạn chế đáng kể tính hiệu quả trong việc phân tích đánh giá tình hình tài chính của khách hàng, tạo khó khăn trong quá trình thẩm định, xem xét và duyệt vay của ngân hàng. Độ tin cậy thấp, rủi ro cao vì thế ngân hàng khó cho vay tín chấp.

3. Đối với hoạt động thanh toán:

Hạ tầng kỹ thuật của các ngân hàng không đồng bộ vẫn còn ngân hàng chưa tham gia hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng. Tâm lý thích sử dụng tiền mặt đã hạn chế rất nhiều trong các thanh toán không dùng tiền mặt. Tuy nhiên so với nhu cầu phát triển của nền kinh tế, qui mô dân số của TP.HCM, sự phát triển của tài khoản cá nhân kể về số lượng lẫn số dư trên tài khoản vẫn còn hạn chế. Đây là khó khăn của ngân hàng trong hoạt động thanh toán thẻ điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt.

4. Đối với hoạt động thanh toán quốc tế

Mặc dù bội chi tăng dần theo đà tăng trưởng xuất nhập khẩu và luồng vốn đầu tư trực tiếp từ nước ngoài vào Việt Nam có sụt giảm theo xu thế toàn cầu, không chắc chắn về tình hình kinh tế của các nước phát triển nhưng các NHTM không có biểu hiện thiếu hụt ngoại tệ trong thanh toán.

II. Những thuận lợi và khó khăn của NHTMCP trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ

1. Những thuận lợi:

Nhìn chung hoạt động kinh doanh ngoại tệ của các ngân hàng TMCP trong những năm gần đây có sự chuyển biến tích cực. Với hàng loạt các thông tư, quyết định về quản lý ngoại hối đã góp phần không nhỏ trong hoạt động KDNT nói riêng và hoạt động ngân hàng nói chung.

2. Những mặt khó khăn:

Khác với các nước khác trên thế giới, thị trường ngoại tệ tiền mặt ở Việt Nam phát triển khá mạnh. Thị trường ngầm tiền mặt ngoại tệ phục vụ cho bộ phận nhập khẩu lậu qua đường biên giới cộng với nhu cầu thích sử dụng ngoại tệ tiền mặt của dân chúng nên thị trường này càng sôi động. Tỷ giá ở thị trường này luôn cao hơn ngân hàng. Ngoài ra, chênh lệch giữa giá mua và bán ngoại tệ ở các ngân hàng ở Việt Nam luôn ở mức cao vì các nguyên nhân như chi phí cho xuất khẩu ngoại tệ tiền mặt khá cao. Chi phí quản lý tiền mặt ngoại tệ cao, tiền mặt tồn kho không được trả lãi như tài khoản tiền gửi trong khi đó ngân hàng phải trả lãi huy động. Doanh số mua rất nhỏ và chi phí cho giấy tờ, cho nhân viên thu đổi cao. Đồng thời rủi ro giao dịch tiền mặt ngoại tệ cao (ngoại tệ giả, séc giả). Thị trường tiền mặt ngoại tệ qua ngân hàng không có tính cạnh tranh, bị chi phối nhiều bởi hoạt động của thị trường ngầm.

Mặt khác, thị trường tiền tệ cũng

như thị trường ngoại tệ liên ngân hàng hoạt động kém sôi động, cho nên tỷ giá và lãi suất được hình thành trên thị trường này không phản ánh đúng thực chất cung cầu ngoại tệ. Vai trò của ngân hàng nhà nước điều hành thị trường ngoại hối, là cầu nối giữa cung cầu ngoại tệ, tạo ra tính thanh khoản cao nhất cho hệ thống ngân hàng trong các năm qua còn mờ nhạt

III. Các loại hình rủi ro trong NH thương mại cổ phần.

1. Rủi ro tín dụng quốc tế:

Đây là rủi ro xuất hiện khi bên đối tác không thực hiện trách nhiệm. Rủi ro tín dụng quốc tế gồm có rủi ro thực hiện và rủi ro thanh toán (đối tác không thực hiện trách nhiệm khi đến hạn thanh toán). Do sự chênh lệch về thời gian thanh toán giữa các đồng tiền nên các NH khó kiểm soát được khoản tiền khách hàng đã vào tài khoản của mình hay chưa. Trong khi đó, NH đã phải chuyển tiền cho khách hàng theo như hợp đồng đã thỏa thuận. Thời gian cut off time (đóng cửa) của các giao dịch cũng là trở ngại của NH trong quá trình chuyển tiền. Tuy nhiên, rủi ro này có thể tránh khỏi nếu các bên đều sử dụng hệ thống thanh toán bù trừ CLS (Clearing Systems).

2. Rủi ro tài chính (Financial risk):

Khi trạng thái ngoại tệ không cân bằng thì rủi ro này xuất hiện. Trong trường hợp, trạng thái ngoại tệ cân bằng nhưng khác nhau về thời gian thì rủi ro tỷ lệ Swap xảy ra. Nhu cầu khách hàng rất đa dạng và phong phú, khách hàng cần loại ngoại tệ khác nhau, thời gian mua bán khác nhau nên rủi ro này thường xảy ra. Đôi khi, rủi ro xảy ra chỉ vì tại thời điểm giao dịch của khách hàng, các đối tác của NH không giao dịch vì thế NH phải tự yết giá cho khách hàng. Khi tỷ giá thay đổi, mua hay bán các đồng ngoại tệ đều sẽ hộc lộ rủi ro ngoại tệ.

Rủi ro tài chính là rủi ro dẫn đến tổn thất do thị trường tài chính mang lại như rủi ro về lãi suất, tỷ giá, rủi ro về biến động giá chứng khoán, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Trừ rủi ro kinh doanh là bất khả kháng, rủi ro về tài chính thường được kiểm soát chặt chẽ để hạn chế rủi ro phát sinh từ hoạt động kinh doanh do chính ngân hàng không phòng

ngừa.

3. Rủi ro hoạt động:

Đó là những yếu tố thuộc về con người như kiến thức tổng quát, kiến thức chuyên môn, khả năng phân tích, sức khỏe, trạng thái, yếu tố tâm lý, ngôn ngữ, phẩm chất, môi trường làm việc. Những yếu tố thuộc về máy móc: thiếu trang thiết bị, máy móc nghiệp vụ nên thiếu thông tin và cơ cấu tổ chức chưa phù hợp, nhiều nhân viên giao dịch không có khả năng thích ứng khi hoạt động KDNT phát triển.

4. Rủi ro kiểm soát:

Rủi ro khi kiểm soát viên sai sót trong quá trình kiểm tra chứng từ, lập thiếu chứng từ trong mua bán ngoại tệ làm cho trạng thái ngoại tệ khác với thực tế, không quản lý được chính xác trạng thái ngoại tệ. Rủi ro có thể là do sự thay đổi quá nhanh của giá cả mà cũng có thể là rủi ro do thiếu chỉ tài khoản.

Ngoài ra, rủi ro do tình hình chính trị bất ổn đưa đến giá cả các loại ngoại tệ biến đổi quá nhanh không đúng với dự đoán.

Tóm lại, trong kinh doanh ngoại tệ, rủi ro rất dễ dàng xảy ra. Một biến động về kinh tế, chính trị hay tin đồn bất lợi nào đó của các quốc gia cũng là nguyên nhân gây đến sự thay đổi nhanh chóng của tỷ giá. Nếu như trạng thái lúc đó của NH đi ngược với xu hướng của thị trường thì RR là điều không thể tránh khỏi. Rủi ro trong KDNT là điều không thể lường trước được nó có thể làm phá sản một NH nếu không có biện pháp phòng ngừa rủi ro.

IV. Đánh giá thực trạng rủi ro trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ tại các ngân hàng TMCP Việt Nam

1. Trên thị trường quốc tế:

Trong năm 2003 và năm 2004 đồng USD biến động khá phức tạp. Khi Mỹ theo đuổi chính sách đồng USD yếu đã gây nên sự giảm giá liên tục của USD so với các đồng tiền mạnh khác như EUR, GBP, JPY. Với sự sụp đổ hàng loạt và dây chuyền của một số tập đoàn lớn, cùng với tình trạng bạo lực diễn ra ở một số nơi trên thế giới đã khiến cho niềm tin vào thị trường tài chính Mỹ sụp đổ. Các nhà đầu tư hoàn toàn thiếu tin tưởng vào sự phục hồi của nền kinh tế Mỹ.

Sự mất giá của USD so với các ngoại tệ trên thị trường quốc tế gây nên

sức ép nhu cầu USD trong thanh toán xuất nhập khẩu. Trong khi USD mất giá so với các đồng tiền trong khu vực thì USD vẫn tăng giá so với VNĐ. Điều này chứng tỏ khả năng cạnh tranh của hàng hóa Việt Nam còn yếu dù được kích thích bằng tỷ giá vẫn không tạo được động lực cho hàng xuất khẩu.

2. Trên thị trường trong nước:

Lạm phát năm 2004 vừa được Chính phủ thông báo ở mức 9.5%. Tình hình xuất nhập khẩu ổn định và phát triển có tác động tích cực đến hoạt động KDNT. Trong năm 2004, thị trường ngoại tệ trong nước hoạt động tương đối hiệu quả. Công tác quản lý ngoại hối đã được thực hiện tương đối đồng bộ cùng với các chính sách thu hút vốn đầu tư, chuyển tiền kiều hối tạo thế chủ động cho các NHTM trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ. Chính sách về nới rộng biên độ và kiểm soát trạng thái ngoại tệ làm cho tỷ giá vận hành theo cơ chế thị trường cũng góp phần đáp ứng nhu cầu ngoại tệ hợp lý của nền kinh tế và từng bước mở rộng quyền tự chủ trong việc sử dụng ngoại tệ của các doanh nghiệp. Tỷ lệ tăng trưởng xuất khẩu trong năm 2004 tuy chưa đạt mức mục tiêu nhưng vẫn tiếp tục tăng góp phần tăng cung ngoại tệ.

Sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin tác động trực tiếp đến nhiều ngành, nhiều lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh. Quan hệ thương mại có nhiều thay đổi đòi hỏi, yêu cầu về dịch vụ NH ngày càng cao. Hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế vừa là cơ hội vừa là thách thức đối với hoạt động NH.

V. Nguyên nhân rủi ro trong kinh doanh ngoại tệ

1. Sự biến đổi của môi trường kinh doanh:

Theo một số chuyên gia kinh tế trên thế giới, thời kỳ phát triển và tăng trưởng cao của hệ thống NH toàn cầu đã thực sự kết thúc. Từ đây hệ thống này phải đương đầu với vô số những khó khăn như hậu quả tất yếu của chu kỳ kinh tế, hoạt động thoái hóa lạm dụng thị trường. Vào thời điểm hiện nay, thị trường tài chính đang có nhiều thay đổi bất lợi thì những nền tảng cơ bản lại trở nên cực kỳ quan trọng trong việc định hướng hoạt động kinh doanh. Sự lựa chọn đường lối của ngân hàng là một

vấn đề nan giải nên rất khó khi chọn chiến lược kinh doanh và phát triển của NH nên theo xu hướng NH bán lẻ, bán buôn, mô hình kinh doanh các sản phẩm bảo hiểm, hưu trí hay chỉ chú trọng với hoạt động NH toàn cầu.

2. Cơ chế hoạt động kinh doanh ngoại tệ:

2.1. Trạng thái ngoại tệ.

Ngân hàng Nhà nước quản lý rủi ro hoạt động KDNT của các NHTM thông qua quyết định kiểm soát về trạng thái ngoại tệ. Tổng các loại ngoại tệ chỉ có thể chiếm tối đa một tỷ lệ phần trăm nhất định đối với vốn tự có.

Trạng thái nguyên tệ của một loại ngoại tệ là chênh lệch giữa tổng tài sản Có và tổng tài sản Nợ bằng ngoại tệ này bao gồm cả các tài khoản mua bán ngoại tệ ngoại bằng tương ứng.

2.2. Vốn tự có còn hạn chế.

Vốn tự có của NH được tính theo số thực có sau khi đã trừ các khoản lỗ kinh doanh và số giảm tài sản cố định (nếu có). Vốn tự có gồm các khoản sau: Nguồn vốn điều lệ, quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ, quỹ dự trữ đặc biệt (để bù đắp rủi ro), nguồn vốn tự bổ sung để xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định, lợi nhuận chưa chia, giá trị tăng thêm khi định giá lại tài sản cố định, các loại vốn và quỹ khác (vốn cố định, quỹ khấu hao tài sản cố định, quỹ phát triển nghiệp vụ, khen thưởng, phúc lợi, và các loại vốn khác như chênh lệch giá vàng, tỷ giá ngoại tệ vốn bảo toàn).

2.3. Năng lực tài chính của các ngân hàng thương mại còn yếu kém.

Một trong những vấn đề nổi cộm hiện nay là vấn đề vốn điều lệ. Tiềm lực tài chính thể hiện qua vốn điều lệ và kết quả hoạt động kinh doanh của NH. Vốn tự có là khoản dùng để bù đắp rủi ro, là điều kiện để đảm bảo an toàn trong hoạt động của NH, tạo uy tín và niềm tin trong công chúng. Nếu tính theo thông lệ quốc tế tỷ trọng vốn tự có phải chiếm tối thiểu 8% tổng tài sản có thì vốn tự có thấp sẽ làm cho hoạt động tín dụng bị thu hẹp. Điểm riêng biệt của các NHTMCP Việt Nam so với các nước khác là sự hợp tác của NH trong các dự án đồng tài trợ. Thêm vào đó là thiếu sự năng động của hoạt động của thị trường liên ngân hàng càng làm cho hiệu quả sử dụng vốn trên toàn hệ thống thấp.

2.4. Một số nguyên nhân khác:

- Trang thiết bị, máy móc, nguồn thông tin kịp thời sẽ giúp cho hoạt động KDNT hiệu quả hơn.

- Hoạt động KDNT là hoạt động chủ yếu dựa vào kinh nghiệm, khả năng phân tích, đánh giá và phán đoán diễn biến thị trường tài chính quốc tế của người KDNT.

- Cơ cấu tổ chức của ngân hàng cũng như cơ cấu tổ chức của bộ phận KDNT có ảnh hưởng khá lớn đến hoạt động KDNT. Cơ cấu tổ chức giữa các bộ phận có liên quan với hoạt động KDNT hợp lý sẽ giảm thiểu rủi ro ở mức thấp nhất. Vấn đề thời cơ, ra quyết định kinh doanh kịp thời, đúng lúc là điều hết sức cần thiết trong hoạt động KDNT.

- Những tin đồn, những cuộc giao dịch lớn, can thiệp của ngân hàng trung ương các nước, cắt lãi suất của ngân hàng trung ương, những thông tin không dự đoán trước, các chỉ số thống kê kinh tế có thể ảnh hưởng nhanh chóng và mạnh mẽ lên thị trường. Bên cạnh đó việc thiếu những cán bộ chuyên môn giỏi có đủ trình độ và kinh nghiệm để phân tích, đánh giá tình hình kinh tế dẫn đến hoạt động KDNT không có hiệu quả. Việc chấp hành pháp luật, các quy chế, quy trình nghiệp vụ KDNT, quy định về quản lý rủi ro còn chưa được thực hiện nghiêm túc.

Kỹ năng quản lý của NHTM Việt Nam còn tụt hậu so với các nước trong khu vực. Tuy một số NH có sự hỗ trợ của các tổ chức tài chính cố gắng tiếp cận với sự tiến bộ của thế giới nhưng sự đổi mới còn trì trệ so với những biến đổi nhanh chóng của công cụ và cách thức quản lý mới. Điều quan trọng nhất là sự đổi mới thực sự trên cơ sở điều hành bằng công nghệ quản lý NH hiện đại.

VI. Một số giải pháp nhằm hạn chế rủi ro trong KDNT

1. Đẩy mạnh mua bán ngoại tệ có kỳ hạn:

Nghiệp vụ này giúp tránh được rủi ro kinh doanh ngoại tệ khi tỷ giá thay đổi theo chiều hướng bất lợi. Giao dịch hối đoái kỳ hạn là giao dịch hai bên cam kết sẽ mua bán với nhau một số lượng ngoại tệ theo một mức tỷ giá xác định tại thời điểm ký kết hợp đồng.

2. Thực hiện hoán đổi trong mua bán ngoại tệ:

Nghiệp vụ bao gồm hai hoạt động

giao ngay và kỳ hạn theo hướng ngược lại với giao ngay. Mua ngoại tệ theo giao ngay và bán ngoại tệ đó theo kỳ hạn hoặc ngược lại. Mục đích của nghiệp vụ này là cân đối trạng thái tại một thời điểm, tránh được sự mất cân đối ngoại tệ tại một thời điểm nhất định, đáp ứng nhu cầu khách hàng và thu lợi nhuận. Swap không làm thay đổi trạng thái thực của một ngân hàng nhưng Swap có thể kéo dài vị thế của đồng tiền muốn đầu cơ. Tất nhiên sẽ tiềm ẩn rủi ro rất lớn nếu không đặt lệnh giới hạn lỗ. Thời hạn để Swap một giao dịch trong đầu cơ không nên quá 6 tháng.

3. Tăng quyền lựa chọn hối đoái phù hợp cho các NHTMCP:

Người mua có thể mua (quyền mua) hay bán (quyền bán) một khối lượng ngoại tệ nhất định tại một thời điểm theo giá đã ấn định. Điểm khác biệt với nghiệp vụ kỳ hạn là người mua quyền này phải trả một khoản phí mua quyền và có thể không thực hiện hợp đồng khi đến ngày giá trị. Mua quyền chọn sẽ tránh được rủi ro tỷ giá khi giá biến động theo hướng bất lợi, biết trước khoản lỗ tối đa (là phí mua quyền) và có thể duy trì được khả năng tạo ra lợi nhuận khi tỷ giá biến động theo đúng hướng đã dự đoán.

4. Đa dạng hóa các loại tiền tệ:

Đa dạng hóa tiền tệ cũng là cách phòng tránh rủi ro trong hoạt động KDNT. Đầu cơ chỉ một loại ngoại tệ với một số lượng quá lớn có thể sẽ đem lại lợi nhuận rất lớn nếu đi đúng với xu hướng biến động của tỷ giá. Bên cạnh đó, tiềm ẩn một rủi ro rất lớn và cũng sẽ không lường hết hậu quả. Người ta nói "không nên để tất cả quả trứng trong cùng một rổ" quả thật không sai.

5. Xây dựng chiến lược kinh doanh trong từng giai đoạn cụ thể:

Ngày nay bất cứ ngân hàng nào cũng có chiến lược kinh doanh cụ thể trong một giai đoạn nhất định. Do đó nghiệp vụ kinh doanh ngoại tệ cũng cần có hoạch định chiến lược rõ ràng kể cả thị trường ngoài nước và trong nước. Sự biến động của tỷ giá thường không theo một chu kỳ nào nhất định đôi khi dao động chỉ vì một tin đồn hay là lòng tin của dân chúng bị giảm sút về nền kinh tế, về chính phủ. Tuy vậy, sự biến động này cũng có những chu kỳ theo sự phát triển của nền kinh tế khu vực, giai đoạn

phát triển, khả năng phục hồi, kỳ vọng hay là thời điểm kết sổ của quốc gia như ngày 31.3 là ngày kết thúc năm tài chính của Nhật, các công ty sẽ chuyển lợi nhuận về nước. Chính vì thế, NH cần có kế hoạch kinh doanh trong từng giai đoạn. Tùy theo thời điểm có thể thay đổi phù hợp.

6. Xây dựng các hạn mức kinh doanh ngoại tệ, khối lượng giao dịch, giới hạn loại tiền kinh doanh một cách hợp lý và linh hoạt.

Một biện pháp hạn chế rủi ro hữu hiệu là sử dụng hạn mức trong hoạt động KDNT. Hạn mức là công cụ để quản lý rủi ro. Hạn mức do mỗi ngân hàng đặt ra tùy thuộc vào đặc điểm kinh doanh và khả năng chấp nhận rủi ro của ngân hàng. Ngân hàng phải xây dựng và duy trì một hạn mức chi tiết và rõ ràng.

7. Tăng vốn tự có để tăng hạn mức kinh doanh cũng như khả năng trong thanh toán quốc tế và các nghiệp vụ khác.

8. Nâng mức vốn điều lệ tối thiểu của các NHTMCP.

Để tăng vốn điều lệ tối thiểu, các NHTMCP có thể tự chọn các phương pháp như tự phát hành cổ phiếu trong thời hạn quy định; hoặc sáp nhập với một hoặc một số NHTMCP khác; hoặc nếu không thể thực hiện được các cách trên thì sẽ phải tự giải thể. Nhìn chung, việc tăng vốn điều lệ tối thiểu có một số ưu điểm khác như xóa sổ bớt một số NH hoạt động yếu kém vốn là mối đe dọa chung của cả hệ thống ngân hàng. Đồng thời nâng cao sức mạnh tài chính của từng NH, tạo sự vững chắc chung cho toàn hệ thống.

9. Nâng cao hiệu quả, cạnh tranh lành mạnh, nâng cao uy tín của hệ thống ngân hàng.

Một ngân hàng có uy tín không chỉ thể hiện qua cơ cấu tổ chức, trình độ kinh nghiệm làm việc, lợi nhuận, tỷ lệ lợi nhuận trên vốn tự có, thanh toán đúng hạn mà còn được đánh giá qua vốn hoạt động. Mức vốn thấp sẽ hạn chế NH trong việc mở rộng nghiệp vụ như option hay thành lập các công ty trực thuộc như công ty kiều hối, công ty chứng khoán.

Tăng vốn tự có sẽ giúp tăng hạn mức trong các giao dịch của NH từ hạn mức trong KDNT đến mức bảo lãnh trong L/C (tín dụng thư).

10. Nâng cao trình độ và kỹ năng

của đội ngũ cán bộ nhân viên hoạt động trong các ngân hàng TMCP.

Để NH ngày càng vững mạnh đáp ứng được yêu cầu cạnh tranh ngày càng gay gắt của thị trường nội địa và quốc tế đòi hỏi phải có một đội ngũ nhân viên giỏi nghiệp vụ, năng động, tìm tòi học hỏi, tuân thủ đúng qui định của NH và có đạo đức kinh doanh. Để đạt được mục tiêu trên các ngân hàng phải quan tâm đến công tác quản trị và đào tạo nhân viên về nghiệp vụ, ngoại ngữ, thực hiện tốt công tác tuyển dụng, chế độ khen thưởng, thường xuyên tổ chức hội thảo, tập huấn cho nhân viên KDNT đồng thời hỗ trợ của các phòng nghiên cứu và quan hệ khách hàng trong hoạch định chiến lược.

11. Xây dựng mô hình kiểm soát và quản lý hoạt động KDNT hiệu quả.

Hoạt động kiểm soát thật sự chưa được quan tâm đúng mức trong các ngân hàng. Bổ nhiệm người đứng tiêu chuẩn, đào tạo cán bộ kiểm soát tương xứng với nhiệm vụ chính là việc cần phải làm ngay nhằm đảm bảo kiểm soát đúng và dự báo kịp thời rủi ro phát sinh.

12. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ và chuyên môn hóa công tác xử lý rủi ro.

Về cơ cấu quản lý rủi ro, các NH thường không có phòng chuyên trách để quản lý rủi ro. Nhiệm vụ này đang được phòng kiểm soát nội bộ quản lý. Trách nhiệm của phòng kiểm soát nội bộ là giám sát việc thực hiện các qui định kinh doanh của ngân hàng chứ không phải là thực hiện công tác quản lý rủi ro. Hiện nay các NH còn thiếu cơ chế giám sát, vì thế các NH cần xây dựng bộ máy quản lý rủi ro. Ngoài yếu tố về nhân sự, các NH cần phải xây dựng các qui trình, qui chế hoạt động, chỉ tiêu định lượng giá trị rủi ro và kiểm soát chặt chẽ hơn các hoạt động nhất là trạng thái mở trong KDNT.

13. Tăng cường các hoạt động thanh tra, kiểm tra kiểm soát. Thực hiện sáp nhập hoặc mạnh dạn xóa sổ những ngân hàng hoạt động yếu kém.

Công tác thanh tra kiểm tra được tiến hành từ phía NHNN có ý nghĩa rất quan trọng, qua đó vì những NH hoạt động kém luôn là mối lo không những của các khách hàng gửi tiền mà còn là nguy cơ chung cho cả hệ thống NH do tác động dây chuyền của những biến động có thể xảy ra. Vì vậy, xác định các

NH hoạt động kém, có nguy cơ thất bại cao để chuẩn bị các biện pháp xử lý thích hợp là việc rất cần thiết. Để chấn chỉnh hoạt động của các NH TMCP nhưng cần phải thực hiện nghiêm túc và tích cực hơn nữa trong thời gian tới.

14. Xác định hạn mức hợp lý cho từng khách hàng và thực hiện hoạt động tư vấn cho khách hàng trong hoạt động KDNT.

15. Trích lập Quỹ rủi ro.

Ngoài một số phương pháp nhằm hạn chế rủi ro, NH cần trích một phần lợi nhuận để dành làm quỹ rủi ro về KDNT. Cũng giống như, hoạt động tín dụng, hàng năm đều phải trích một phần lợi nhuận để bù đắp và phòng ngừa cho những khoản nợ khó đòi hay tiềm ẩn nguy cơ khó thu hồi nợ. Trong KDNT, rủi ro luôn luôn xuất hiện đồng thời với giao dịch mở nghĩa là trạng thái ngoại tệ không cân bằng. Trích lập quỹ rủi ro có thể là 10% -20% lợi nhuận của năm đó về KDNT.

VII. Một số kiến nghị hạn chế rủi ro trong kinh doanh ngoại tệ tại các NHTMCP.

1. Đối với Nhà nước

1.1. Về hành lang pháp lý:

Cần có chính sách thông thoáng hơn về quản lý và sử dụng ngoại tệ, tạo sân chơi bình đẳng cho các ngân hàng nhất là các NHTMCP. Bên cạnh đó cần hoàn thiện hệ thống luật NH. Nghiên cứu khả năng áp dụng dự án lệ, tập quán quốc tế thông qua việc thừa nhận về mặt pháp lý các qui tắc, tập quán quốc tế được áp dụng rộng rãi trong các hoạt động ngân hàng cũng như cần có qui định và qui chế cụ thể hơn trong hoạt động KDNT trên thị trường tài chính quốc tế.

1.2. Phát hành các công cụ huy động vốn:

Chính phủ nên cho phép phát hành trái phiếu ngoại tệ trong nước để có thể huy động USD của dân đầu tư vào các dự án trọng điểm.

Phát hành trái phiếu ở nước ngoài cũng có thể thu hút ngoại tệ mà lãi suất sẽ thấp hơn là vay nước ngoài.

1.3. Chính sách ngoại hối:

Hiện nay một số chính sách qui định về quản lý còn nhiều trở ngại cho các ngân hàng trong vấn đề thực hiện. Chẳng hạn như việc rút tiền từ tài khoản

của cá nhân. Nghị định có qui định tiền của cá nhân từ nước ngoài gửi về cho cá nhân được phép rút ngoại tệ mặt, như vậy tiền của tổ chức gửi cho cá nhân thì có được rút hay không, nhiều ngân hàng vẫn còn lúng túng trong thực hiện các qui định.

1.4. Chính sách đầu tư:

Cần có chính sách đầu tư hợp lý nhằm vừa thu hút đầu tư của nước ngoài vừa tạo môi trường kinh doanh bình đẳng giữa các doanh nghiệp trong nước. Nhà nước cũng cần có chính sách bảo hộ có chọn lọc những ngành then chốt và chỉ thực hiện bảo hộ khi thật sự cần thiết. Có như vậy mới có thể sàng lọc các doanh nghiệp yếu kém và tăng khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp.

1.5. Quỹ dự trữ ngoại hối quốc gia:

Quản lý dự trữ ngoại hối để có thể tác động đến các công cụ chính sách khác, giải quyết các dao động về ngoại hối trong ngắn hạn và có thể can thiệp vào thị trường khi tỷ giá biến động bất ổn. Cuộc khủng hoảng châu Á tháng 7.1997 là một minh chứng cho việc dự trữ ngoại tệ của quốc gia không đủ nên không tránh được cuộc đầu cơ tiền tệ từ bên ngoài.

1.6. Về cơ quan thống kê và công ty kiểm toán:

Nguyên nhân rủi ro xuất phát từ vai trò quản lý của Nhà nước: Nền kinh tế còn hoạt động không ổn định, thiếu kiểm soát. Trong khi đó hoạt động KDNT của ngân hàng là bộ phận không thể tách rời đối với mọi hoạt động của nền kinh tế và trong môi trường chung như vậy hoạt động kinh doanh ngoại tệ cũng không có được những cơ sở pháp lý vững chắc để phát triển một cách tích cực khiến rủi ro có điều kiện để phát sinh và đây chính là nguyên nhân tiềm tàng của những biến động kinh tế ở mức độ cao hơn như khủng hoảng kinh tế, tài chính. Vì vậy Chính phủ cần nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan thống kê, tổng hợp số liệu nhanh chóng, đầy đủ và chính xác hơn. Ban hành các quy định về chế độ kiểm toán bắt buộc hàng năm tại các ngân hàng, các doanh nghiệp và ban hành qui định trách nhiệm của các công ty kiểm toán cho ngân hàng.

1.7. Thị trường điều hòa tiền mặt:

Ngoại tệ mặt trên thị trường ngoại

tệ và trong quỹ ngoại tệ của các NH thường không được quản lý tập trung. Nên chăng có một trung tâm điều hòa ngoại tệ mặt cho toàn hệ thống. Mô hình giống như thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, dự trữ một số loại ngoại tệ nhất định với một số lượng nào đó nhằm điều hòa nhu cầu ngoại tệ giữa các ngân hàng, điều phối ngoại tệ giữa các NH.

Ngoài ra, nhà nước nên cho phép và hỗ trợ thành lập một ngân hàng dữ liệu hoặc ngân hàng thông tin với sự tham gia của tất cả các NH và doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn. Ngân hàng này cho phép có thể cung cấp số liệu và tình hình hoạt động của các ngân hàng trong từng thời kỳ. Trung tâm này đóng vai trò rất quan trọng trong nền kinh tế nhất là khi các NH chuẩn bị đưa cổ phiếu của NH lên sàn giao dịch chứng khoán.

2. Đối với Ngân hàng Nhà nước

2.1. Chính sách về rủi ro và kiểm soát:

Tăng cường quản lý các NH thông qua các quy định về kiểm toán bắt buộc, kiểm tra trình độ định kỳ cũng như tăng cường thanh tra và hỗ trợ các NH nhận biết các rủi ro tiềm ẩn thông qua công tác đã thanh tra của các NH, từ đó đưa ra giải pháp hữu hiệu để giảm thiểu rủi ro.

2.2. Chính sách kiểu hối:

Về chính sách chi trả kiểu hối, NHNN nên ban hành nhiều văn bản hướng dẫn cụ thể hơn và nên kết hợp với các ban ngành khác như ngành công an trong các qui định về chi trả kiểu hối tận nhà của các cộng tác viên công ty kiểu hối. Về các đại lý ủy nhiệm thu đổi ngoại tệ của các NH được phép kinh doanh ngoại hối, NHNN nên cho phép các công ty kiểu hối được phép làm đại lý ủy nhiệm thu đổi ngoại tệ cho các NHTM. Ngân hàng sẽ thu hút được nguồn ngoại tệ từ các công ty kiểu hối quay trở lại NH nhanh hơn. Khách hàng nhận kiểu hối thuận tiện hơn trong giao dịch mua bán thay vì phải đến NH bán.

2.3. Thị trường ngoại tệ liên ngân hàng:

Cải cách thị trường liên ngân hàng theo hướng giảm độc quyền, nâng cao chất lượng hoạt động kinh doanh, tỷ giá Swap, Forward phải sát hơn với thị trường thực tế. Điều này sẽ giúp cho NH có đủ nguồn ngoại tệ cung cấp cho khách hàng khi nhu cầu nhập khẩu tăng

quá cao, nhất là vào dịp cuối năm và có thể thực hiện đúng qui định của Nhà nước về trạng thái ngoại tệ.

2.4. Dự trữ ngoại tệ:

Đa dạng hóa các loại ngoại tệ trong dự trữ. NHNN đóng vai trò là người cuối cùng trong hoạt động, can thiệp thị trường khi cần thiết. Tập trung dự trữ ngoại tệ có kế hoạch sử dụng hợp lý. Quỹ dự trữ ngoại tệ có tác dụng khi thị trường liên ngân hàng đóng băng, ngoại tệ khan hiếm, NHNN sẽ dùng quỹ này để can thiệp. Khi thị trường ổn định, ngân hàng nhà nước sẽ mua vào để tăng trạng thái ngoại tệ.

2.5. Về tỷ lệ dự trữ đặc biệt:

Cần có một tỷ lệ dự trữ hợp lý hơn nhằm giảm chi phí cho khoản vốn không sinh lời ở mức thấp nhất có thể. NHNN cần tính toán đến hệ số rủi ro và môi trường kinh tế để đưa ra tỷ lệ dự trữ bắt buộc ở mức phù hợp hơn. Có như vậy, mới thúc đẩy hoạt động đáp ứng nhu cầu cần vốn của các doanh nghiệp.

2.6. Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo:

Thường xuyên tổ chức các buổi hội thảo qua mạng Internet về hoạt động kinh doanh ngoại tệ, phân tích tình hình kinh tế trong nước và nước ngoài, hướng đi mới cũng như phổ biến các nghị định, qui định, thông tư mới trong hoạt động kinh doanh ngoại tệ. Các NHTM Việt Nam còn non kém về các nghiệp vụ trong KDNT nhất là kinh doanh theo dạng margin trading. NHNN cũng có tổ chức các buổi hội thảo về các chính sách, thông tư để tìm hiểu những khó khăn, vướng mắc trong chính sách quản lý ngoại hối.

Rủi ro trong hoạt động kinh doanh NH xảy ra do nhiều nguyên nhân khách quan lẫn chủ quan. Nguyên nhân nhân do chính bản thân NH sẽ được phòng ngừa qua các qui trình nghiệp vụ và kỹ năng kiểm soát. Ngoài ra cần có sự trợ giúp của Chính phủ và NHNN thông qua các thông tư, quyết định và nhất là một hành lang pháp lý thông thoáng. Vận dụng một cách linh hoạt, kịp thời và hợp lý các biện pháp phòng ngừa rủi ro sẽ hạn chế được rủi ro, giúp các NHTMCP Việt Nam ngày càng vững mạnh nhất là trong quá trình chuẩn bị hội nhập vào nền kinh tế khu vực và kinh tế quốc tế hiện nay ■